TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02410



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản (206202) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 10/05/2012 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11336263 | VÕ MINH | TUY | CD11CS | 1 | | 5,0 | 8,0 | 5,6 | 5,7 | 5 | 7 |
| 20 | 08161257 | NGUYỄN NGỌC | VĨNH | DH08TA | 1 | | 10 | 8,0 | 5,4 | 6,6 | 6 | 6 |
| 21 | 11336058 | NGUYỄN THỊ KIM | YẾN | CD11CS | 1 | | 5,0 | 8,0 | 6,0 | 6,5 | 6 | 5 |
| 22 | 08116212 | TRẦN NGỌC HẢI | YẾN | DH08NT | 1 | | 7,5 | 8,0 | 6,0 | 6,5 | 6 | 5 |

Số bài: 19 ; Số tờ: 19 (TN)

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 5 năm 2012

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02410



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản (206202) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 10/05/2012 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10141002 | LÊ VĂN TRƯỜNG | AN | DH10NY | 1 | | 10 | 8,0 | 6,8 | 7,6 | 7 | 6 |
| 2 | 08141075 | VÕ ĐỨC | DŨNG | DH08NY | 1 | | 0 | 7,0 | 6,0 | 4,9 | 4 | 9 |
| ~~3~~ | ~~09111009~~ | ~~ĐIỆP BẢO~~ | ~~DƯƠNG~~ | ~~DH09CN~~ | | | | | | | | |
| 4 | 08161060 | LÊ VŨ | HÒA | DH08TA | 1 | | 10 | 8,0 | 5,4 | 6,6 | 6 | 6 |
| 5 | 08161079 | NGUYỄN PHI | KHANH | DH08TA | 1 | | 10 | 10 | 4,6 | 6,2 | 6 | 2 |
| 6 | 08161088 | VÕ VĂN | KHẮP | DH08TA | 1 | | 0 | 7,0 | 4,6 | 3,9 | 3 | 9 |
| 7 | 11336125 | NGUYỄN HỮU | LÃM | CD11CS | 1 | | 7,5 | 8,0 | 5,0 | 5,8 | 5 | 8 |
| 8 | 09161065 | NGUYỄN NGỌC | LINH | DH09TA | 1 | | 7,5 | 8,0 | 5,0 | 5,8 | 5 | 8 |
| 9 | 08161110 | NGUYỄN VĨNH | LONG | DH08TA | 1 | | 0 | 7,0 | 5,2 | 4,3 | 4 | 3 |
| 10 | 08111019 | TRẦN HỮU | LỢI | DH08CN | 1 | | 7,5 | 8,0 | 6,2 | 6,6 | 6 | 6 |
| 11 | 10141030 | NGUYỄN MAI | NGHI | DH10NY | 1 | | 7,5 | 8,0 | 5,8 | 6,4 | 6 | 4 |
| ~~12~~ | ~~09161091~~ | ~~TỐNG HOÀNG~~ | ~~NGỌC~~ | ~~DH09TA~~ | | | | | | | | |
| ~~13~~ | ~~07111224~~ | ~~LÊ NGỌC~~ | ~~PHI~~ | ~~DH08TA~~ | | | | | | | | |
| 14 | 10141009 | MAI THANH | PHONG | DH10NY | 1 | | 10 | 8,0 | 3,6 | 5,3 | 5 | 3 |
| 15 | 09161115 | NGUYỄN THỊ THANH | PHƯỢNG | DH09TA | 1 | | 7,5 | 8,0 | 7,2 | 7,3 | 7 | 3 |
| 16 | 09161127 | LÊ HOÀNG | SÂM | DH09TA | 1 | | 10 | 10 | 6,6 | 7,6 | 7 | 6 |
| 17 | 07111098 | NGUYỄN NGỌC NGÂN | TÂM | DH08CN | 1 | | 10 | 10 | 7,2 | 8,0 | 8 | 0 |
| 18 | 08161192 | TRƯƠNG QUỐC | THẮNG | DH08TA | 1 | | 10 | 8,0 | 4,5 | 6,0 | 6 | 0 |

Số bài: 19 ; Số tờ: 19 (Tờ)

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 01717



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản (206202) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 03/05/2012 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (20%) | Đ2 (10%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 10141019 | NGUYỄN BẢO | THÁI | DH10NY | 1 | | 10 | 10 | 6,8 | 7,8 | 7 | 8 |
| 20 | 09336169 | NGUYỄN KIM | THANH | CD09CS | 1 | | 6,7 | 8 | 5,0 | 5,6 | 5 | 6 |
| 21 | 10141024 | TRỊNH THỊ HỒNG | THỦY | DH10NY | 1 | | 3,3 | 8 | 6,8 | 6,2 | 6 | 2 |
| 22 | 08169297 | TRẦN THANH | TRUNG | CD08CS | 1 | | 6,7 | 8 | 5,7 | 6,1 | 6 | 1 |
| 23 | 09336230 | NGUYỄN MINH | TUẤN | CD09CS | 1 | | 5 | 8 | 6,0 | 6,0 | 6 | 0 |
| 24 | 09336247 | NGUYỄN PHÚC | VINH | CD09CS | 1 | | 5 | 8 | 6,8 | 6,6 | 6 | 6 |
| 25 | 09161190 | TRẦN MINH | VƯƠNG | DH09TA | 1 | | 10 | 10 | 7,0 | 7,9 | 7 | 9 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 01717



R21/6/2012

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản (206202) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 03/05/2012 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (20%) | Đ2 (10%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09336027 | LẠI XUÂN | CƯỜNG | CD09CS | 1 | | 5,0 | 8,0 | 5,6 | 5,7 | 5 | 7 |
| 2 | 11171011 | NGUYỄN QUỐC | CƯỜNG | DH11KS | 1 | | 5,0 | 8,0 | 5,2 | 5,4 | 5 | 4 |
| 3 | 10161020 | LÂM MINH | ĐĂNG | DH10TA | 1 | | 5,0 | 8,0 | 6,4 | 6,3 | 6 | 3 |
| 4 | 10116032 | PHẠM THANH | GIANG | DH10NT | 1 | | 5,0 | 8,0 | 5,8 | 5,9 | 5 | 9 |
| 5 | 08117085 | CAO ĐÌNH | KHOA | DH08CT | 1 | | 10,0 | 10,0 | 8,4 | 8,9 | 8 | 9 |
| 6 | 10141006 | ĐOÀN MINH | KIỆT | DH10NY | 1 | | 5 | 8 | 5,8 | 5,9 | 5 | 9 |
| 7 | 09161069 | TRẦN THỊ | LOAN | DH09TA | 1 | | 8,7 | 8,0 | 5,6 | 6,5 | 6 | 5 |
| 8 | 09336104 | HỒ QUỐC | LONG | CD09CS | 1 | | 5,0 | 8,0 | 4,4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 9 | 09336106 | ĐINH BÁ | LỢI | CD09CS | 1 | | 5,0 | 8,0 | 4,6 | 5,0 | 5 | 0 |
| 10 | 09336116 | NGUYỄN THỊ | MẬN | CD09CS | 1 | | 5,0 | 8,0 | 6,8 | 6,6 | 6 | 6 |
| 11 | 10141007 | ĐẶNG HỒNG | NGỌC | DH10NY | 1 | | 5,0 | 8,0 | 5,5 | 5,7 | 5 | 7 |
| 12 | 09141086 | NGUYỄN VŨ | NGUYÊN | DH09NY | 1 | | 3,3 | 8,0 | 5,4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 13 | 10141043 | HỒ HỒNG | NHUNG | DH10NY | 1 | | 10 | 8 | 5,0 | 6,3 | 6 | 3 |
| 14 | 09336137 | LÊ THỊ BÉ | OANH | CD09CS | 1 | | 5 | 8 | 5,3 | 5,5 | 5 | 5 |
| 15 | 10141010 | HỒ VĂN | PHÚ | DH10NY | 1 | | 5 | 8 | 5,6 | 5,7 | 5 | 7 |
| 16 | 09336160 | NGUYỄN HẢI | SƠN | CD09CS | 1 | | 6,7 | 8 | 7,4 | 7,3 | 7 | 3 |
| 17 | 10161106 | TRẦN THỊ MỸ | TÂM | DH10TA | 1 | | 10 | 8 | 6,8 | 7,6 | 7 | 6 |
| 18 | 09336167 | HỒ VĂN | TÂN | CD09CS | 1 | | 10 | 10 | 4,6 | 6,2 | 6 | 2 |

Số bài: 25; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2 — Văn Hữu Nhật

Duyệt của Trưởng Bộ môn — ThS. Lê Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02432



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản (206202) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 10336029 | HOÀNG THỊ | LIỄU | CD10CS | | | 5,0 | 7,0 | 6,1 | 6,0 | 6 | 0 |
| 20 | 09161067 | TRƯƠNG THỊ NHẬT | LINH | DH09TA | | | 10 | 10 | 6,5 | 7,6 | 7 | 6 |
| 21 | 10336015 | MAI THỊ | MỪNG | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 5,9 | 6,9 | 6 | 9 |
| 22 | 10336012 | THÔI NHẤT | NAM | CD10CS | | | 7,5 | 8,0 | 6,1 | 6,6 | 6 | 6 |
| 23 | 09116099 | NGUYỄN THỊ | NGA | DH09NT | | | 10 | 10 | 6,4 | 7,5 | 7 | 5 |
| 24 | 10336006 | HUỲNH THANH | NHÀN | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 5,9 | 6,9 | 6 | 9 |
| 25 | 10336131 | TRẦN MỘNG | NHẤT | CD10CS | | | 0 | 5,0 | 5,9 | 4,6 | 4 | 6 |
| 26 | 10336046 | HUỲNH NỮ HỒNG | PHÁT | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 4,3 | 5,8 | 5 | 8 |
| 27 | 10336087 | LÊ MINH | PHÁT | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 2,9 | 4,8 | 4 | 8 |

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02432



R21/6/2012

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản (206202) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (20 %) | Đ2 (10 %) | Điểm thi (70 %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10336002 | TRẦN THỊ TRÚC | ANH | CD10CS | | | 5,0 | 8,0 | 4,5 | 5,0 | 5 | 0 |
| 2 | 10336003 | NGUYỄN CÔNG | CẢM | CD10CS | | | 7,5 | 8,0 | 4,5 | 5,5 | 5 | 5 |
| 3 | 10336068 | NGUYỄN VŨ MỸ | CHI | CD10CS | | | 10,0 | 8,0 | 5,1 | 6,4 | 6 | 4 |
| 4 | 10336036 | NGUYỄN VĂN | CHIẾN | CD10CS | | | 0 | 7,0 | 5,7 | 4,7 | 4 | 7 |
| 5 | 09116021 | TRẦN LÊ QUANG | DUY | DH09NT | | | 7,5 | 8,0 | 5,5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 6 | 10336043 | PHẠM VĂN | DƯƠNG | CD10CS | | | 5,0 | 7,0 | 6,9 | 6,5 | 6 | 5 |
| 7 | 10336122 | LÊ THÀNH | ĐA | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 6,4 | 7,3 | 7 | 3 |
| 8 | 10336150 | VÕ VĂN | ĐẠO | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 6,7 | 7,5 | 7 | 5 |
| 9 | 10336123 | NGUYỄN THANH | ĐẠT | CD10CS | | | 0 | 7,0 | 6,5 | 5,3 | 5 | 3 |
| ~~10~~ | ~~10336124~~ | ~~LÊ THỊ~~ | ~~ĐÒ~~ | ~~CD10CS~~ | | | | | | | | |
| 11 | 10336057 | NGUYỄN XUÂN | HOẠT | CD10CS | | | 7,5 | 8,0 | 5,3 | 6,0 | 6 | 0 |
| 12 | 10336059 | KIỀU VĂN | HỢI | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 6,5 | 7,4 | 7 | 4 |
| 13 | 10336061 | TRƯƠNG ĐÌNH | HUY | CD10CS | | | 10 | 8 | 7,3 | 7,9 | 7 | 9 |
| 14 | 10336042 | TRẦN THỊ | HUYỀN | CD10CS | | | 10 | 10 | 8,3 | 8,8 | 8 | 8 |
| 15 | 10336008 | HOÀNG HÒA | HƯNG | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 5,7 | 6,8 | 6 | 8 |
| 16 | 10336151 | PHAN HỒNG | KHOA | CD10CS | | | 7,5 | 8 | 7,7 | 7,7 | 7 | 7 |
| 17 | 10336146 | TRỊNH BỈNH | KHUÊ | CD10CS | | | 10 | 8 | 4,7 | 6,1 | 6 | 1 |
| 18 | 10336069 | ĐỖ VĂN | KHƯƠNG | CD10CS | | | 0 | 7,0 | 5,1 | 4,3 | 4 | 3 |

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02472



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản (206202) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 10336108 | PHAN THỊ DIỄM | TRINH | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 5,2 | 6,4 | 6 | 4 |
| 20 | 10336132 | TRẦN THỊ MỸ | TRUYỀN | CD10CS | | | 2,5 | 7,0 | 5,9 | 5,3 | 5 | 3 |
| 21 | 10336139 | NGUYỄN TẤN | TRƯỜNG | CD10CS | | | 2,5 | 7,0 | 5,7 | 5,2 | 5 | 2 |
| 22 | 10336054 | LÊ NGỌC | TÚ | CD10CS | | | 5,0 | 8,0 | 5,1 | 5,4 | 5 | 4 |
| ~~23~~ | ~~10336140~~ | ~~LÊ THỊ THANH~~ | ~~TUYỀN~~ | ~~CD10CS~~ | | | | | | | | |
| 24 | 10336110 | NGUYỄN VĂN | TUYỀN | CD10CS | | | 2,5 | 7,0 | 5,9 | 5,3 | 5 | 3 |
| 25 | 10141032 | TIÊU QUỐC | VINH | DH10NY | | | 10 | 10 | 8,6 | 9,0 | 9 | 0 |
| 26 | 10336115 | HỨA KIỀU NỮ YẾN | XUÂN | CD10CS | | | 7,5 | 8 | 2,1 | 3,8 | 3 | 8 |

Số bài:...25.....; Số tờ:...25.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02472



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 21/6/2012

**Môn Học :** Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản (206202) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (20%) | Đ2 (10%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10336088 | NGUYỄN XUÂN | PHÚ | CD10CS | | | 5,0 | 7,0 | 5,3 | 5,4 | 5 | 4 |
| 2 | 10336149 | NGUYỄN VĂN | PHƯƠNG | CD10CS | | | 7,5 | 8,0 | 6,1 | 6,6 | 6 | 6 |
| 3 | 10336091 | TRẦN VĂN | QUÝ | CD10CS | | | 2,5 | 8,0 | 4,5 | 4,5 | 4 | 5 |
| 4 | 10336133 | TÔ THỊ TRANG | QUYÊN | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 6,4 | 7,1 | 7 | 1 |
| 5 | 10336090 | BÙI THỊ KIM | QUYẾN | CD10CS | | | 2,5 | 7,0 | 5,9 | 5,3 | 5 | 3 |
| 6 | 10336120 | KIỀU THÁI | SANG | CD10CS | | | 0 | 7,0 | 5,7 | 4,7 | 4 | 7 |
| 7 | 10336060 | NGUYỄN THỊ KIM | SINH | CD10CS | | | 0 | 7,0 | 3,9 | 3,4 | 3 | 4 |
| 8 | 09141101 | LƯƠNG CÔNG MINH | TÀI | CD10CS | | | 5,0 | 7,0 | 4,5 | 4,9 | 4 | 9 |
| 9 | 10336020 | VÕ THANH | TÂM | CD10CS | | | 2,5 | 7,0 | 2,9 | 3,2 | 3 | 2 |
| 10 | 10336136 | NGUYỄN QUỐC | TẤN | CD10CS | | | 7,5 | 8,0 | 5,7 | 6,3 | 6 | 3 |
| 11 | 10336082 | NGUYỄN ANH | THOẠI | CD10CS | | | 7,5 | 8,0 | 5,9 | 6,4 | 6 | 4 |
| 12 | 10336101 | NGUYỄN ĐÌNH | THUẬN | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 4,3 | 5,8 | 5 | 8 |
| 13 | 10336102 | TRẦN THỊ | THUẬN | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 5,1 | 6,4 | 6 | 4 |
| 14 | 09141114 | PHẠM MINH | TIẾN | CD10CS | | | 5,0 | 8,0 | 5,9 | 5,9 | 5 | 9 |
| 15 | 10116163 | TRẦN KHÁNH | TRÀ | DH10NT | | | 2,5 | 7,0 | 6,3 | 5,6 | 5 | 6 |
| 16 | 10336106 | NGUYỄN THỊ THÙY | TRANG | CD10CS | | | 7,5 | 7,0 | 5,5 | 6,1 | 6 | 1 |
| 17 | 10336001 | ĐẶNG THỊ THÙY | TRÂM | CD10CS | | | 10 | 8,0 | 5,1 | 6,4 | 6 | 4 |
| 18 | 10336027 | BÙI ĐỨC | TRÍ | CD10CS | | | 7,5 | 8,0 | 6,9 | 7,1 | 7 | 1 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 6 năm 2012

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*